



yǒu lì kě tú
有利可图

idiom (adjective phrase) · profitable; worth doing for gain

Example Sentences

Zhè ge xiàng mù yǒu lì kě tú hěn duō rén tóu zī
这个 项目 有利可图，很 多人 投资。

This project is profitable, so many people invest.

Tā zhǐ zài yǒu lì kě tú shí cái bāng máng
他 只在 有利可图 时 才 帮 忙。

He only helps when there is profit to be made.

Trace each character, then write the word on your own.

有	有	有	有	有	有	有	有	有		
利	利	利	利	利	利	利	利	利	利	
可	可	可	可	可	可	可	可			
图	图	图	图	图	图	图	图	图	图	图